

Bản án số: 162/2024/DS-ST
Ngày: 29/07/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết
2. Bà Trần Nguyệt Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5: Ông Nguyễn Phạm Tuân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 259/2023/DSST ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 06 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Á (A)

Địa chỉ: Số D đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Xuân M, sinh năm 1970

Địa chỉ: Lầu H, Tòa nhà A, Số D đường C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản uỷ quyền số 546/UQ-QLN.24 ngày 16/04/2024) (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Mã Nhuận Q, sinh năm 1978

Địa chỉ cư trú cuối cùng: Số A đường H, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Á (gọi tắt là A) theo đơn khởi kiện ngày 10/09/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án có người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng TMCP Á (A) cấp tín dụng cho bà Mã Nhuận Q căn cứ theo Hợp đồng cấp tín dụng số 90090069 ngày 15/11/2010, chi tiết như sau: Số tiền cho vay là 200.000.000 đồng, mục đích cho vay tiêu dùng, phương thức giải ngân là chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi số 27838489 của bà Mã Nhuận Q tại A, thời hạn cho vay 24 tháng (từ 15/11/2010 đến 15/11/2012), lãi suất vay 1,04% tháng (tính theo số tiền vay ban đầu), lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phạt trễ kỳ 200.000 đồng/trễ kỳ hạn.

A cấp tín dụng cho bà Q căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 07/12/2010, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A và các văn bản khác của bà Q ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng, chi tiết như sau: Số thẻ tín dụng là 54655516****1744, ngày cấp 16/12/2010, loại thẻ Visa vàng, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng, hiệu lực thẻ tháng 12/2023, lãi suất (trong hạn, quá hạn) và phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, bà Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ với A. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, thì:

- Đối với khoản vay: Ngày 08/02/2012, A ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với khoản nợ chưa thanh toán của Hợp đồng cấp tín dụng số 90090069.

- Đối với khoản thẻ: Ngày 19/01/2012, A đã chuyển khoản nợ của khách hàng sang nợ quá hạn. Ngày 03/02/2012, A ra thông báo chuyển khoản nợ quá hạn thẻ tín dụng, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà Q.

Tính đến ngày 11/09/2023, bà Q còn nợ A các khoản sau:

- Đối với số tài khoản/thẻ tín dụng là 90090069, bao gồm: Vốn gốc là 67.128.869 đồng, lãi trong hạn là 1.549.667 đồng, lãi quá hạn là 145.841.496 đồng. Tổng cộng: 214.565.032 đồng.

- Đối với số tài khoản/thẻ tín dụng là 54655516****1744, bao gồm: Vốn gốc là 52.994.649 đồng, lãi quá hạn là 264.069.686 đồng. Tổng cộng: 317.064.335 đồng.

Nay A đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc bà Mã Nhuận Q trả ngay cho A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 11/09/2023 là 531.629.367 đồng (Năm trăm ba mươi một triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn, ba trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó gồm: Vốn gốc là 120.123.518 đồng, lãi trong hạn là 1.594.667 đồng và lãi quá hạn là 409.911.182 đồng.

2. Buộc bà Mã Nhuận Q còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng trả góp, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A tính kể từ ngày 12/09/2023 đến ngày trả hết nợ.

** Bị đơn – bà Mã Nhuận Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến.*

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với tiền lãi trong hạn, đối với các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Xuân M trình bày: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với số tiền lãi trong hạn đối với Hợp đồng tín dụng trả góp số 90090069 ngày 15/11/2010 là 1.549.667 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bà Mã Nhuận Q trả ngay cho Ngân hàng TMCP Á đông số nợ còn thiếu tính đến ngày 29/7/2024 là 564.027.127 đồng (Năm trăm sáu mươi bốn triệu không trăm hai mươi bảy ngàn một trăm hai mươi bảy đồng), trong đó gồm: vốn gốc là 120.123.518 đồng, lãi quá hạn là 443.903.609 đồng. Buộc bà Mã Nhuận Q còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng trả góp, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A kể từ ngày 30/7/2024 đến khi trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án. Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi trong hạn là 1.549.667 đồng, xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ đối với phần này.

Căn cứ vào Hợp đồng cấp tín dụng trả góp, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã xác lập và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn, do đó đối với yêu cầu bị đơn trả số nợ còn thiếu tính đến ngày 29/7/2024 là 564.027.127 đồng (Năm trăm sáu mươi bốn triệu không trăm hai mươi bảy ngàn một trăm hai mươi bảy đồng), trong đó gồm: vốn gốc là 120.123.518 đồng, lãi quá hạn là 443.903.609 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy

định của pháp luật. Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 30/7/2024 theo thỏa thuận cho đến khi bị đơn trả hết nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ phát sinh từ quan hệ hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng xác lập giữa tổ chức tín dụng và cá nhân nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo kết quả xác minh của Công an P1, Quận E thể hiện bà Mã Nhuận Q có Hộ khẩu thường trú tại số A H, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú, hiện bà Q đi đâu không rõ. Theo xác minh của Công an P2, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bà Mã Nhuận Q không có đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, lưu trú tại địa chỉ B đường H, Phường E, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ nào khác của bị đơn, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn theo Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đã ký kết, việc bị đơn thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho người khởi kiện biết được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Như vậy, có cơ sở để xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là nơi bị đơn đăng ký thường trú tại địa chỉ 1 H, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung:

Nguyên đơn được phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301452948 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp. Hợp đồng tín dụng trả góp và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng được giao kết giữa hai bên có hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và lãi của nguyên đơn đối với Hợp đồng tín dụng trả góp số 90090069 ngày 15/11/2010:

[3.1.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Phiếu giải ngân chuyển khoản ngày 15/11/2010 và Bảng sao giao dịch quá trình vay mà nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở để xác định bị đơn đã được nguyên đơn cấp tín dụng số tiền là 200.000.000 đồng, mục đích cho vay tiêu dùng, phương thức giải ngân là chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi số 27838489 của bà Mã Nhuận Q tại Ngân hàng TMCP Á, thời hạn cho vay 24 tháng (từ 15/11/2010 đến 15/11/2012), lãi suất vay 1,04% tháng (tính theo số tiền vay ban đầu), lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phạt trễ kỳ 200.000 đồng/trễ kỳ hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trả góp, bà Mã Nhuận Q nhiều lần không thanh toán đúng thỏa thuận trong Hợp đồng và thông báo lịch trả nợ vay. Ngày 08/02/2012, nguyên đơn có Thông báo thu hồi nợ trước hạn về việc thu hồi trước hạn tất cả các khoản nợ của bị đơn theo Hợp đồng đã ký, chậm nhất đến ngày 06/3/2012. Từ ngày giải ngân đến ngày 03/4/2012, bị đơn đã thanh toán số tiền là 168.510.000 đồng, trong đó vốn gốc là 132.871.131 đồng, lãi trong hạn là 33.838.869 đồng, phạt trễ kỳ là 1.800.000 đồng. Số tiền vốn gốc bị đơn còn nợ là 67.128.869 đồng. Đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn thiếu là đã vi phạm thỏa thuận tại Điều 3, Điều 4 Hợp đồng tín dụng trả góp đã ký kết.

Do vậy, xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay toàn bộ nợ gốc 67.128.869 đồng (Sáu mươi bảy triệu một trăm hai mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi chín đồng) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[3.1.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh:

- Đối với số tiền lãi trong hạn là 1.549.667 đồng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định rút yêu cầu đối với khoản lãi này. Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là trên cơ sở tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

- Đối với lãi quá hạn: Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N1) quy định: “*1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng N1. 2. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng*

trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng”, như vậy tại mục 4 của Hợp đồng tín dụng trả góp số 90090069 ngày 15/11/2010 các bên thỏa thuận *“lãi suất trong hạn: 1,04%/tháng (tính theo số tiền vay ban đầu); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn”*. Thỏa thuận lãi suất của các bên là phù hợp với quy định pháp luật đã viện dẫn nêu trên. Từ ngày 03/4/2012, khoản vay của bị đơn đã chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất là 18,72%/năm. Đến nay bị đơn không thanh toán tiền lãi còn nợ cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền lãi quá hạn là 157.081.553 đồng (tạm tính đến ngày 29 tháng 7 năm 2024) là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 30/7/2024 theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi bị đơn trả hết nợ

[3.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và lãi của nguyên đơn đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 07/12/2010, Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Á:

[3.2.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 07/12/2010, đính kèm Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Á, tóm tắt sao kê, thông báo vi phạm Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, bảng chi tiết tính lãi mà nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở để xác định bị đơn đã được nguyên đơn đồng ý thẻ tín dụng số 5465 5516****1744, loại thẻ Visa vàng, ngày cấp 16/12/2010, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận về lãi suất, phí, phương thức thanh toán theo những điều khoản quy định tại Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Á.

Quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 60.118.175 đồng, tuy nhiên bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 20.838.000 đồng, trong đó tiền gốc là 7.123.526 đồng, tiền lãi là 13.714.474 đồng. Đến ngày 19/01/2012 bị đơn không thực hiện việc thanh toán, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định Điều 5.2 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Á, không thanh toán cho nguyên đơn tiền gốc và lãi. Ngày 03/02/2012, nguyên đơn ra Thông báo chuyển nợ quá hạn thẻ tín dụng, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà Mã Nhuận Q với dư nợ gốc là 52.994.649 đồng. Đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc nêu trên.

Do vậy, xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay toàn bộ nợ gốc 52.994.649 đồng (Năm mươi hai triệu chín trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm bốn mươi chín ngàn đồng) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[3.2.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh:

Đối với yêu cầu trả tiền lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 29/7/2024) là: 286.822.056 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Điều 5.2 Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Á quy định như sau: *“Tất cả giá trị giao dịch thẻ, phí, lãi phát sinh trong kỳ được nhập vào số dư nợ đầu kỳ tiếp theo. A vẫn được quyền ghi nợ tài khoản thẻ cho dù số dư nợ có vượt quá hạn mức thẻ tín dụng hay không”*. Điều 10.1 Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Á quy định như sau: *“Ngay sau ngày đến hạn thanh toán mà chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu thì A sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định của A”*.

Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 quy định như sau: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Theo quy định tại Điều 5.5 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Á thì *“Mức lãi suất, phí và cách tính lãi, được quy định chi tiết tại Biểu lãi suất và phí do A phát hành trong từng thời kỳ. Biểu lãi suất và phí là một phần không tách rời của Bản các Điều khoản và Điều kiện này. A có thể thay đổi biểu lãi suất và phí trong quá trình sử dụng thẻ của chủ thẻ và sẽ thông báo cho chủ thẻ theo các hình thức được quy định tại điều 15 của Bản các Điều khoản và Điều kiện này, và thời điểm có hiệu lực của những thay đổi này được đề cập trong bản thông báo gửi chủ thẻ”*.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và các thông báo về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành của thẻ tín dụng tại các thời kỳ xác định bị đơn trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn. Xét trong quá trình thanh toán nợ cho Ngân hàng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng TMCP Á đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bà Mã Nhuận Q sang nợ quá hạn kể từ ngày 19/01/2012 là phù hợp. Lãi suất trong hạn áp dụng từ ngày 14/7/2023 đến nay là 32%/năm, lãi suất quá hạn là 48%/năm, tạm tính đến ngày 29/7/2024 nợ lãi quá hạn của bị đơn là 286.822.056 đồng.

Vì vậy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm 29/7/2024 với tổng số tiền 286.822.056 đồng là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định của pháp luật đã viện dẫn nêu trên. Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 30/7/2024 theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Á cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

[4] Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Trong vụ án này, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự. Đối chiếu quy định pháp luật cũng với những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định số tiền bị đơn đã sử dụng phục

vụ nhu cầu cá nhân nên không buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của bị đơn.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 29/7/2024 là 564.027.127 đồng (Năm trăm sáu mươi bốn triệu không trăm hai mươi bảy ngàn một trăm hai mươi bảy đồng), trong đó gồm: vốn gốc là 120.123.518 đồng, lãi quá hạn là 443.903.609 đồng. Buộc bà Mã Nhuận Q còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng trả góp, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A kể từ ngày 30/7/2024 đến khi trả hết nợ.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán theo quy định pháp luật; N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 37, 39, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Á đối với yêu cầu bị đơn – bà Mã Nhuận Q thanh toán số tiền lãi trong hạn đối với Hợp đồng tín dụng trả góp số 90090069 ngày 15/11/2010 là 1.549.667 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Á:

- Buộc bà Mã Nhuận Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á số tiền 224.210.422 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu hai trăm mười ngàn bốn trăm hai mươi hai đồng), bao gồm nợ gốc: 67.128.869 đồng (Sáu mươi bảy triệu một trăm

hai mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi chín đồng) và nợ lãi quá hạn: 157.081.553 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu không trăm tám mươi một ngàn năm trăm năm mươi ba đồng) theo Hợp đồng tín dụng trả góp số 90090069 ngày 15/11/2010, tạm tính đến ngày 29/7/2024.

- Buộc bà Mã Nhuận Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á số tiền 339.816.705 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu tám trăm mười sáu ngàn bảy trăm lẻ năm đồng), bao gồm nợ gốc: 52.994.649 đồng (Năm mươi hai triệu chín trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm bốn mươi chín đồng) và nợ lãi quá hạn: 286.822.056 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu tám trăm hai mươi hai ngàn không trăm năm mươi sáu đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 07/12/2010 và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Á, tạm tính đến ngày 29/7/2024.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Mã Nhuận Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trả góp số 90090069 ngày 15/11/2010 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 07/12/2010 và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Á.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

- Bà Mã Nhuận Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.561.085 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi một ngàn không trăm tám mươi lăm đồng).

- Ngân hàng TMCP Á không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.632.588 đồng (Mười hai triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn năm trăm tám mươi tám đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0011018 ngày 12/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Bích Trâm